

Một số yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập và tiền gửi của người di cư tự do tại Hà Nội

Nguyễn Đức Tuyền

Viện Gia đình và Giới

Tóm tắt: Sử dụng một phần số liệu điều tra của đề tài cấp Bộ: “Sự thích ứng của người di cư tự do từ nông thôn vào các thành phố và các vùng phụ cận: Nghiên cứu trường hợp Hà Nội” do Viện Gia đình và Giới chủ trì, được tiến hành trong hai năm 2008-2009, bài viết làm rõ thêm một số vấn đề về thu nhập, tiền gửi của người di cư tự do từ góc độ giới tính, tình trạng di cư, học vấn, hôn nhân, hoàn cảnh gia đình ở quê. Tác giả chỉ ra rằng trong thị trường lao động phổ thông, yếu tố sức khỏe đóng vai trò quan trọng, những nghề nặng nhọc, cần cơ bắp nam giới tham gia nhiều nhất và đây là nghề kiếm được nhiều tiền nhất; nữ chọn làm công việc nhẹ nhàng, thường được trả công thấp hơn. Tuy những người di cư làm công việc chân tay là chính nhưng những người có học vấn cao thường nhận được lương cao hơn cho thấy ưu thế của trình độ học vấn và chuyên môn. Những người di cư đã kết hôn và di cư cùng vợ/chồng và con là những người có cuộc sống gia đình ổn định có thu nhập cao nhất. Người di cư có con ở tuổi từ 16 đến 25 gửi tiền nhiều nhất, có thể là để bù đắp chi phí học hành và tìm việc. Nữ di cư thường gửi tiền về cho những sinh hoạt hàng ngày của gia đình; còn nam di cư thường gửi tiền về cho những chi tiêu mang tính chất lâu dài.

Từ khóa: Di cư; Di cư tự do; Tiền gửi của người di cư.

Cho đến nay luồng di cư tự do chính là từ nông thôn ra thành thị. Người lao động di cư tự do đến các thành phố lớn phần lớn là vì mục đích kinh tế. Những yếu tố như ruộng đất nông nghiệp ngày càng giảm, khan hiếm việc làm, giá trị ngày công ở nông thôn thấp, công việc nông nghiệp nặng nhọc là những yếu tố lực đẩy; ngược lại, các yếu tố như sự sẵn có việc làm, thu nhập cao... là những lực hút chính thu hút lao động tới các thành phố. Các nghiên cứu cũng cho thấy hầu hết người di cư đều đạt được những thành quả đáng khích lệ, tiền gửi của họ về gia đình tạo cho thu nhập của gia đình *“cao hơn đáng kể so với thu nhập bình quân đầu người của các hộ gia đình không có con cái di cư.”* (Nguyễn Thanh Liêm, 2008).

Những người di cư thường gửi tiền về giúp đỡ gia đình, nhưng không phải ai cũng có những thu nhập như nhau và số tiền gửi về như nhau. Sự khác nhau về tiền gửi tùy thuộc vào nhiều yếu tố: hoàn cảnh gia đình *“những người di cư đã có con cái gia đình, phải để gia đình ở quê thì họ gửi tiền về nhiều hơn so với những người khác.”* (Hà Thị Phương Tiến, Hà Quang Ngọc, 2000); tùy thuộc vào thu nhập của gia đình ở nông thôn *“các hộ di cư có thu nhập thấp hơn có tỷ lệ nhận được các khoản gửi về cao hơn”* (Nguyễn Thanh Liêm, 2008), tùy thuộc theo thời gian di cư *“cao nhất đối với những người di cư tạm thời”* (Đỗ Văn Hoà, 1998).

Các nghiên cứu trước đây đã đề cập về tình trạng thu nhập, tiền gửi của người di cư, nhưng chưa có nghiên cứu nào đi sâu vào các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập, tiền gửi. Từ lý do trên, bài viết dưới đây cố gắng làm rõ thêm một số vấn đề về thu nhập, tiền gửi và trong mối liên hệ với giới tính, tình trạng di cư, học vấn, hôn nhân, hoàn cảnh gia đình ở quê của người di cư tự do. Bài viết là một phần của kết quả điều tra của đề tài cấp Bộ: *“Sự thích ứng của người di cư tự do từ nông thôn vào các thành phố và các vùng phụ cận: Nghiên cứu trường hợp Hà Nội”* do Viện Gia đình và Giới chủ trì. Mục tiêu chung của đề tài là phân tích, đánh giá sự thích ứng của người di cư tự do từ nông thôn đến Hà Nội và các vùng phụ cận từ góc độ tiếp cận giới. Đề tài được tiến hành trong hai năm 2008-2009. Đề tài tiến hành kết hợp hai phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng. Về định tính, đề tài tiến hành phỏng vấn sâu 60 đối tượng di cư nam, nữ; đồng thời tiến hành nhiều cuộc phỏng vấn cán bộ quản lý địa

phương, thảo luận nhóm cán bộ, nhóm người di cư, nhóm hộ gia đình. Về nghiên cứu định lượng, đề tài đã tiến hành phỏng vấn bảng hỏi 700 đối tượng di cư nam nữ đang làm việc ở các quận nội thành Hà Nội.

1. Thu nhập và tiền gửi theo loại công việc và giới tính

Thu nhập của người di cư khác nhau giữa nam và nữ. Theo số liệu điều tra của đề tài, người phụ nữ di cư thu nhập trung bình chỉ được 1.410.000đ/tháng; nam giới 1.958.000đ/tháng. Như vậy có sự chênh lệch rất lớn trong thu nhập giữa phụ nữ và nam giới, thu nhập của phụ nữ bằng 72,0% thu nhập của nam giới.

Ngoài công việc chính, 11,1% số người lao động di cư có công việc làm thêm để tăng thu nhập. Con số này nếu tính theo giới tính thì 10,3% nữ giới và 11,8% nam giới làm thêm nghề phụ. Nếu chỉ tính từ riêng từ làm thêm, trung bình mỗi người nam làm thêm nghề phụ sẽ kiếm được 485.000đ/tháng, còn nữ chỉ 359.000đ/tháng, thu nhập từ làm thêm của nữ bằng 74% thu nhập từ làm thêm của nam.

Về thời gian, người di cư trung bình làm việc 25,85 ngày công/tháng, nếu phân tích theo giới tính, nam giới làm 25,64 ngày/tháng còn phụ nữ làm 26,03 ngày/tháng. Ngày công của nữ nhiều hơn một chút, còn thu nhập thấp hơn, như vậy nếu tính về giờ công, tiền lương trung bình người phụ nữ còn thấp hơn nữa.

So sánh số liệu điều tra giữa thu nhập và công việc, ta thấy thu nhập khác nhau tương đối rõ ràng giữa các công việc khác nhau. Những nghề

Bảng 1. Tỷ lệ nam và nữ tham gia vào các loại việc làm (%)

Công việc đang làm ở Hà Nội	Nam	Nữ	Tổng
Lao động làm thuê tự do: bốc vác, xe ôm...	68,8	31,2	100
Công nhân: thợ may, xây, mộc... làm cho nhà nước hoặc tư nhân	68,5	31,5	100
Tự kinh doanh: bán hàng rong, đóng nát...	21,9	78,1	100
Giúp việc gia đình	0	100	100
Khác	50	50	100

Bảng 2. Thu nhập bình quân hàng tháng theo việc làm (nghìn đồng)

Công việc đang làm ở Hà Nội	Thu nhập bình quân hàng tháng
Lao động làm thuê tự do: bốc vác, xe ôm...	1.802,63
Công nhân: thợ may, xây, mộc... làm cho nhà nước hoặc tư nhân	1.777,31
Tự kinh doanh: bán hàng rong, đóng nát...	1.525,31
Giúp việc gia đình	1.020,00
Khác	2.100,00
Trung bình	1.659,43

nặng nhọc, cần cơ bắp thường do nam giới đảm nhận, nghề nặng nhọc nhất là bốc vác, xe ôm... nam giới tham gia nhiều nhất và đây là nghề kiếm được nhiều tiền nhất (1.802.630 đ/tháng); công nhân: thợ may, xây, mộc... làm cho nhà nước hay tư nhân nam chiếm đến 68,5% là công việc nhiều tiền thứ hai (1.777.310 đ/tháng); công việc kinh doanh, bán hàng rong, đóng nát... là công việc mà nữ chiếm 78,1% (1.525.310đ/tháng), được trả lương thấp so với các công việc khác. Như vậy, trong thị trường lao động tự do, nam làm công việc nặng nhọc thường được trả tiền công cao hơn, nữ làm công việc nhẹ nhàng thường được trả công thấp hơn. Nghề giúp việc gia đình là một công việc đặc biệt: người lao động không phải chi phí cho ăn ở (dự tính khoảng từ 500.000 đến 1.000.000đ/tháng), như vậy tổng thu nhập của họ cũng khá cao nhưng người lao động thường chỉ chú ý đến tiền lương được nhận bằng tiền mặt, trung bình 1.020.000đ/tháng và cho rằng rất thấp so với các nghề khác (Bảng 2).

Qua phỏng vấn sâu, người lao động cũng biết thu nhập của nữ kém hơn và bản thân họ cho điều này là hợp lý:

“Chủ yếu là nam thôi vì công việc này cũng đòi hỏi sức khỏe, chẳng hạn như quẹt mực cũng là công việc nặng đòi hỏi tay phải khỏe, máy cắt xén nữa... Nam làm nhiều hơn thì cũng cao (thu nhập) chứ, mình phải bỏ sức lao động ra nhiều hơn.” (Nam 26 tuổi, công nhân in).

“Có lẽ nam họ có sức khỏe hơn thì họ chọn những công việc nặng nhọc hơn và kiếm được nhiều tiền hơn... Nam giới họ làm xe đẩy kiếm được tiền hơn đấy

Bảng 3. Thu nhập và tiền gửi của nam và nữ (nghìn đồng)

Giới tính người trả lời	Thu nhập bình quân hàng tháng	Số tiền gửi về nhà hàng tháng
Nam	1957,84	781,82
Nữ	1409,58	607,85
Trung bình	1659,43	687,13

nhưng cũng nặng nhọc hơn, đàn bà con gái đi bán ngô thì nhẹ nhàng hơn.” (Nữ, 40 tuổi, bán hàng rong).

“Vi thực ra là bọn tôi bỏ sức nhiều hơn thì chắc chắn là (lương) cao hơn” (Nam, 41 tuổi, đồng nát).

Hầu hết những ý kiến phỏng vấn sâu đều cho rằng nam giới, với ưu thế về sức khỏe nên thường kiếm được nhiều tiền hơn nữ, nhưng đặc biệt, có ý kiến cho rằng cũng có sự phân biệt giới tác động đến thu nhập của nam và nữ, theo lý giải của họ, nam giới lại có ưu thế hơn trong việc kinh doanh buôn bán:

“Vi là giả sử như là khi mua hàng ý, có khi người ta thấy người nam giới chịu khó, bảo đấy có khi các ông này thế này mà cũng đi bán hàng này, có khi người ta nề. Hay là cũng có người mà người ta thấy nam giới bán hàng, người ta mua, cũng dễ lãi hơn là mình. Bao giờ người mua cũng kỳ kèo với phụ nữ hơn là mua với nam giới.” (Nữ, 35 tuổi, bán hàng rong).

Như vậy, sự chênh lệch về thu nhập giữa nam và nữ chịu ảnh hưởng từ loại hình công việc, nam thường kiếm được nghề nhiều tiền, nữ kiếm nghề ít tiền, do những đặc tính cả về giới tính và giới.

Thu nhập của nam cao hơn là một điều kiện quan trọng để họ có thể gửi tiền về nhà giúp đỡ gia đình nhiều hơn. Theo số liệu điều tra, trung bình người lao động di cư gửi tiền về giúp đỡ gia đình hàng tháng là 687.000đ. So sánh nam và nữ, nam gửi về 782.000đ; còn nữ chỉ 607.000đ (Bảng 3).

Sự chênh lệch giữa nam và nữ trong việc gửi tiền về tương đối lớn, nữ chỉ gửi về được khoảng 77,6% so với lượng tiền gửi của nam giới.

Bảng 4. Thu nhập và tiền gửi của người lao động tính theo ngành nghề tham gia (nghìn đồng)

Công việc đang làm	Thu nhập bình quân hàng tháng	Số tiền gửi về nhà hàng tháng	Tỷ lệ % tiền gửi so với thu nhập
Lao động làm thuê tự do: bốc vác, xe ôm...	1802,63	734,21	40,73
Công nhân: thợ may, xây, mộc... làm cho nhà nước/ tư nhân	1777,31	776,85	43,71
Tự kinh doanh: bán hàng rong, đồng nát...	1525,31	626,06	41,04
Giúp việc gia đình	1020,00	733,33	71,90

Lượng tiền gửi về gia đình của nam giới cao hơn nữ, tuy nhiên, so sánh với tỷ lệ trích phần trăm từ thu nhập của giữa nam và nữ, lượng tiền nam giới gửi về gia đình chỉ chiếm 39,9% số tiền thu nhập theo lương, còn phụ nữ gửi về gia đình chiếm 43,1%. Điều này cho thấy phụ nữ tiết kiệm chi tiêu và dành dụm nhiều hơn, từ đó gửi cho gia đình nhiều hơn nam giới.

Tính theo ngành nghề công việc thì người có thu nhập cao không nhất thiết cũng là người có tỷ lệ gửi tiền về quê cao.

Trong bốn nhóm nghề mà chúng tôi đã điều tra, những người làm nghề nghề giúp việc gia đình có môi trường làm việc thuận lợi nhất, chỗ ở không phải lo, cơm ăn cùng với chủ nhà và thường nhận được nhiều sự trợ giúp khác:

“Ở trong đây ngày lễ, ngày Tết thì hầu như người ta cho quà nhiều, với lại đồ, quần áo người ta may các thứ mình không phải nghĩ ngợi gì như ở nhà là mình phải lo từng tí một, nhưng ở đây thì chỉ nghĩ có nhớ thì nhớ nhà thôi chứ còn không, không phải suy nghĩ gì về kinh tế.” (nữ, 35 tuổi)

“Người ta trả cho em 1.500.000đ một tháng. Tiền xăng cộ người ta cho, rồi ngày lễ ngày tết họ cho thêm vài trăm nữa.” (nữ, giúp việc gia đình)

“Còn đột xuất phải về thì các cháu nó cũng cho tiền về quê... Ăn uống chung với gia đình, không phân biệt với người ngoài.” (nữ, giúp việc gia đình)

Do không phải chi phí cho ăn ở, và còn được nhiều trợ giúp từ phía người chủ, người làm nghề giúp việc gia đình có nhiều điều kiện tốt để tiết kiệm, và họ đã gửi tiền về quê với tỷ lệ cao nhất so với lượng được trả.

Xem xét khác biệt giữa nam và nữ trong thu nhập và tiền gửi trong thị trường lao động phổ thông của người di cư, ta thấy thu nhập và tiền gửi của nam và nữ chịu tác động mạnh của yếu tố công việc nào cần nhiều sức mạnh cơ bắp thì người thuê trả tiền cho người lao động cao hơn (nam có ưu thế trong yếu tố này), và môi trường nào ổn định, có thuận lợi cho việc sinh sống hơn thì người lao động có tỷ lệ gửi tiền về quê nhiều hơn (người làm nghề giúp việc gia đình chiếm ưu thế trong yếu tố này).

2. Thu nhập và tiền gửi theo trình độ học vấn

Học vấn là một yếu tố tạo lên sự khác biệt trong thu nhập. Tuy những người di cư làm công việc chân tay là chính, nhưng nếu ta chia nhóm người theo trình độ học vấn và so sánh thu nhập thì thấy có một chiều hướng tốt là những người có học vấn cao thường nhận được lương cao hơn.

Người di cư cũng nhận thấy ưu thế của học vấn, trình độ tay nghề.

“Người ta có học vấn, có tay nghề thì xin được vào nhà máy, xí nghiệp này kia đỡ khổ hơn, còn mình thì phải bán mặt ngoài chợ, làm việc nặng nhọc để kiếm sống. Mỗi người mỗi việc, mình phải chịu thôi.” (Nam, 34 tuổi, đẩy xe).

Bảng 5. Thu nhập - Tiền gửi theo trình độ học vấn của người di cư (xếp theo thứ tự thấp dần của lượng tiền gửi về nhà, nghìn đồng)

Nhóm người di cư theo trình độ học vấn	Thu nhập bình quân hàng tháng	Số tiền gửi về nhà hàng tháng	Tỷ lệ % tiền gửi so với thu nhập
Cao đẳng, đại học	2550,00	862,50	33,82
THPT	1815,71	702,14	38,67
THCS	1628,38	697,55	42,84
Tiểu học	1554,93	636,62	40,94
Trung cấp	1359,09	309,09	22,74

Xem xét lượng tiền gửi theo trình độ học vấn và chuyên môn, ta cũng thấy người có học vấn cao hơn gửi nhiều tiền về hơn (Bảng 5).

Như vậy, người có học vấn cao có thu nhập nhiều hơn, gửi tiền về quê nhiều hơn nhưng nếu đối chiếu giữa tỷ lệ tiền gửi và thu nhập, người có học vấn cao gửi về quê với tỷ lệ ít hơn người có học vấn thấp.

Trường hợp người trung cấp lại vẫn đặc biệt, vì họ đã có thu nhập hàng tháng thấp nhất đồng thời tỷ lệ tiền gửi so với thu nhập cũng thấp nhất. Điều này củng cố thêm nhận định cho rằng người có trình độ trung cấp chưa đạt mục đích lao động kiếm tiền là chính, mà họ còn học để nâng thêm trình độ học vấn, tay nghề...

3. Thu nhập và tiền gửi theo tình trạng hôn nhân

Tình trạng hôn nhân của người lao động di cư là một chỉ số quan trọng để đánh giá thu nhập và tiền gửi về. Số liệu bảng 6 cho thấy người đã kết hôn có thu nhập cao. Xếp theo thứ tự giảm dần của thu nhập, tham chiếu tình trạng hôn nhân của người di cư sẽ được thứ tự sau: người đã kết hôn, người độc thân, người góa vợ, góa chồng, cuối cùng là người ly hôn, ly thân.

Theo sắp xếp về sự ổn định của tình trạng hôn nhân: người đã kết hôn có tâm lý ổn định nhất, sau đó là người độc thân, họ chưa trải nghiệm gì về trở ngại trong hôn nhân, người ly hôn, ly thân là người có nhiều trở ngại về mặt tâm lý nhất.

Bảng 6. Thu nhập và tiền gửi về gia đình của người lao động di cư tính theo tình trạng hôn nhân (nghìn đồng)

Tình trạng hôn nhân của người di cư	Thu nhập bình quân hàng tháng	Số tiền gửi về nhà hàng tháng	Tỷ lệ % tiền gửi so với thu nhập
Đã kết hôn	1682,01	732,75	43,56
Độc thân	1651,05	538,46	32,61
Goá	1333,33	650,00	48,75
Ly hôn, ly thân	1288,89	466,67	36,21
Trung bình	1659,43	687,13	41,41

Nếu lắp ghép giữa hai sự sắp xếp trên (giữa tình trạng hôn nhân và thu nhập), ta thấy: người đã kết hôn có tâm lý ổn định nhất, và họ thu nhập cao nhất, sau đó thu nhập đứng thứ hai là người độc thân; người ly hôn, ly thân là chịu nhiều khủng hoảng về gia đình và thu nhập của họ cũng thấp nhất. Như vậy, sự ổn định tâm lý về tình trạng hôn nhân có tỷ lệ thuận rất lớn đến thu nhập.

Những trở ngại về hôn nhân có thể không ảnh hưởng trực tiếp đến thu nhập. Tuy nhiên, có thể thấy sự ảnh hưởng gián tiếp: người lao động hạnh phúc, có cuộc sống tâm lý gia đình tốt thường cố gắng phấn đấu kiếm tiền để nâng cao đời sống gia đình, và họ được trả lương cao cho sự cố gắng đó; ngược lại, người ly hôn, ly thân là do những tâm lý họ khủng hoảng, có thể không thích phấn đấu, không nhiệt tình trong công việc từ đó dẫn đến hiệu quả công việc không cao và lương thấp.

Số lượng tiền gửi theo nhóm xếp theo tiêu chí hôn nhân cũng tương tự như thu nhập, nhưng những người góa vợ, góa chồng là người có thu nhập không cao nhưng họ gửi tiền về tương đối nhiều, tỷ lệ giữa tiền gửi so với thu nhập của họ cao nhất (nam góa: 51,35%; nữ góa: 48,28%) (Bảng 7). Nếu so sánh giữa nam và nữ có chung hoàn cảnh hôn nhân ta thấy thu

Bảng 7. Thu nhập và tiền gửi tính theo hôn nhân của nam/nữ (xếp thứ tự thấp dần theo lượng thu nhập, nghìn đồng)

Tình trạng hôn nhân (chia nhóm theo giới tính)	Thu nhập bình quân hàng tháng	Số tiền gửi về nhà hàng tháng	Tỷ lệ % tiền gửi so với thu nhập
Nam đã kết hôn	2017,19	850,45	42,16
Nam góa	1850,00	950,00	51,35
Nam độc thân	1826,84	622,63	34,08
Nam ly hôn, ly thân	1500,00	400,00	26,67
Nữ đã kết hôn	1440,72	648,01	44,98
Nữ độc thân	1303,13	371,87	28,54
Nữ góa	1268,75	612,50	48,28
Nữ đã ly hôn/ly thân	1262,50	475,00	37,62
Trung bình	1659,43	687,13	41,41

nhập và tiền gửi của phụ nữ đều kém hơn nam giới (trừ trường hợp nữ ly hôn gửi tiền về nhiều hơn nam giới). Như vậy, phụ nữ so với nam giới khi chia theo hoàn cảnh hôn nhân thì sự trợ giúp của phụ nữ cho gia đình thường kém hơn.

4. Thu nhập và tiền gửi theo tình trạng di cư

Thu nhập bình quân của người di cư tính từ công việc chính hiện đang làm khá cao, trung bình tháng họ thường kiếm được 1.659.000đ. Tuy nhiên, thu nhập này không đồng đều nếu so sánh giữa các nhóm di cư có tình trạng di cư khác nhau. Di cư cùng cả vợ, chồng và con có thu nhập cao nhất, sau đó đến người di cư một mình. Người di cư cùng vợ/chồng thường chi tiêu cho cuộc sống ở Hà Nội nhiều hơn, nhất là khi có con cái đi cùng. Chỉ những người đã kiếm được thu nhập cao mới dám đưa vợ/chồng và con đến, vì khi đó, họ mới có đủ điều kiện để trang trải chi phí cho gia đình ở Hà Nội, nhất là trang trải cho việc học hành của con cái (Bảng 8).

Nhiều người di cư cho biết họ không dám đem gia đình lên Hà Nội vì sự chi phí cho gia đình ở Hà Nội rất đắt đỏ.

“Có chồng thì tiêu tốn hơn một tí nhưng có vợ có chồng thì nó vui hơn... Nhiều người đi một mình, họ hà tiện hơn thì vẫn đẻ ra hơn.” (PVS. Nữ 32 tuổi, đi cùng chồng)

Bảng 8. Thu nhập, tiền gửi của người di cư tính theo tình trạng di cư (nghìn đồng)

Tình trạng di cư	Thu nhập bình quân hàng tháng	Số tiền gửi về nhà hàng tháng	Tỷ lệ % tiền gửi so với thu nhập
Đi cùng cả vợ, chồng và con	2394,12	714,71	29,85
Di cư một mình	1650,84	729,59	44,20
Di cư cùng vợ, chồng	1594,23	643,08	40,34
Khác	1556,42	555,50	35,69
Di cư và vợ/chồng di cư nơi khác	1490,00	830,00	55,70
Trung bình	1659,43	687,13	41,41

“Thường thì cứ hai vợ chồng thì thuê chung một phòng chị ạ, còn nếu mà ba anh em con nhà chú nhà bác chẳng hạn hay là ở quê đi xuống đây cùng làng cùng xã đấy thì họ có thể là họ ở chung một cái phòng, hoặc là nếu có hai vợ chồng thì chỉ có hai vợ chồng thôi.” (PVS nữ 27 tuổi, đi cùng chồng).

“Cuộc sống đô thị tốn kém lắm. Nếu chỉ có hai vợ chồng ở lại đây thì không sao, ở thế nào chả được nhưng có con cùng ở thì lại là chuyện khác. Chỗ ở chật chội, nếu mà có nó thì nhà phải rộng, phải thêm tiền, ăn cũng tốn lên, rồi tiền gửi trẻ, tiền trường tiền lớp. Nếu nuôi trẻ ở đây sẽ tốn gấp nhiều lần ở quê.” (PVS nữ, 28 tuổi)

“Ở đây nói chung là tiền lương của mình được ít mà tiền gửi con là bảy tám, trăm một tháng thì mình cũng không có điều kiện để gửi.” (nữ, 24 tuổi, buôn bán nhỏ)

Về tiền gửi, người di cư một mình là người gửi khá nhiều tiền về quê. Họ thường ở 5-7 người một phòng, cá biệt có trường hợp ở chung đến 30-40 người một phòng để hạn chế về chi phí ăn ở tại Hà Nội và do vậy họ để dành được nhiều tiền hơn.

Người di cư cùng vợ/chồng và con có thu nhập cao nhất, cũng là người gửi tiền về gia đình ở quê tương đối nhiều, trung bình 714.000đ/tháng. Họ không gửi tiền về quê nhiều vì họ đã mang con lên, ở nhà chỉ còn lại bố mẹ, mà thường bố mẹ ở quê chi tiêu rất tiết kiệm.

Đặc biệt, người di cư đến Hà Nội mà vợ/chồng cũng di cư nhưng đi nơi khác là người có thu nhập thấp nhất 1.490.000đ, nhưng họ lại là người gửi tiền về quê nhiều nhất 830.000đ. Tỷ lệ gửi về quê của họ lên đến 55,70% thu nhập, điều này cho thấy họ phải chi tiêu nhiều nhất trong những người di cư.

5. Tiền gửi về theo đặc điểm gia đình ở quê

Lượng tiền gửi về của người lao động còn có khác biệt theo độ tuổi người con nhỏ nhất ở quê. Nhóm tuổi của người con nhỏ nhất được chúng tôi tạm được chia thành 4 nhóm: Nhóm trẻ tuổi mẫu giáo, nhóm trẻ vị thành niên và nhóm thanh niên trẻ và thanh niên trưởng thành. Bảng 9 cho thấy số lượng tiền gửi trung bình của người di cư chia nhóm theo yếu tố tuổi của con nhỏ nhất của người di cư.

Bảng 9. Lượng tiền của người di cư gửi chia theo yếu tố tuổi của con nhỏ nhất (nghìn đồng)

Có con ít tuổi nhất là	Số tiền gửi về nhà hàng tháng
Dưới 5 tuổi	735,94
6 - 15 tuổi	733,82
16 - 25 tuổi	772,06
26 - 31 tuổi	316,67
Trung bình	740,33

Sự chênh lệch về lượng tiền gửi về không nhiều giữa nhóm mẫu giáo và nhóm vị thành niên, đây là giai đoạn trẻ em đang theo học phổ thông, đưa trẻ học theo chế độ phổ cập giáo dục, tiền học phí và nhiều khoản chi phí khác ở nhà trường đã được nhà nước tài trợ phần lớn, chi phí gia đình ở nông thôn cho việc học hành thường không nhiều. Ngoài ra, ở lứa tuổi này, đưa trẻ chưa tham gia nhiều vào hoạt động của gia đình ngoài việc học tập phổ thông của chúng, cho nên sự chi phí cho đưa trẻ khác nhau ít. Nhưng đến tuổi thanh niên, con em người di cư bước vào giai đoạn cuối của giáo dục phổ thông, việc gửi tiền cho con không chỉ là để ăn học ăn học, mà còn để cho con cái họ tìm việc làm, đầu tư kinh doanh hoặc đầu tư học thêm, học cấp tốc, luyện thi để học lên cao nữa do vậy họ phải tốn kém hơn nhiều.

“Muốn con học được để thoát ly đồng ruộng nên phải kiếm tiền cho con ăn học, học xong cũng không kiếm được việc, muốn xin vào khu công nghiệp Nội Bài, công việc đang hoàng thì mất 2-3 triệu, công việc tự kiếm thì lương thấp.” (Nữ, 41 tuổi, tạp vụ cho công ty nước ngoài).

“Nuôi thẳng út học lái xe trong bộ đội cũng tốn khá nhiều, nó mà biết thương bố mẹ thì mình đỡ. Đưa con gái dạy học ở Đông Anh ý, xin việc cho nó mất 30 triệu, vay nợ, trả còn lại 20 triệu, mình phải làm để trả chứ.” (PVS nữ, 50 tuổi).

Các gia đình nông thôn thường có từ 2 con trở lên, khi con ít tuổi nhất là tuổi từ 16-25 thì các con khác chỉ nhiều hơn vài tuổi, do vậy, con cái của họ cần rất nhiều tiền để lo cho việc làm, nhà cửa và chuẩn bị cuộc sống riêng. Người cha/mẹ phải dành chi phí cho con nhiều nhất vào giai đoạn này.

Còn khi con út đã ngoài 26 tuổi, giai đoạn này đưa con út thường đã có việc làm khá ổn định, các anh chị lớn hơn thường có gia đình riêng. Những người anh/chị ít nhận sự trợ giúp của cha mẹ nữa và còn có thể trợ giúp người em của mình. Đồng thời, khi con út trên 26 tuổi thì cha mẹ cũng trên 45 tuổi (tạm cho rằng cha mẹ hơn con khoảng 20 tuổi), sức khỏe yếu, khả năng làm việc giảm sút, thu nhập giảm sút theo và như vậy việc gửi tiền gửi về nhà của người di cư không còn quan trọng, người di cư cũng gửi ít tiền về quê hơn.

Ngoài yếu tố tuổi của con ở quê, người di cư nam nữ còn gửi về theo sự khác biệt trong việc sử dụng đồng tiền ở quê. Nếu xem xét kỹ hơn dưới góc độ giới tính của người gửi, việc sử dụng đồng tiền ở quê có khác nhau. Cụ thể, Trong cả hai mục đích sử dụng dành cho việc thường xuyên hàng ngày: mua thực phẩm (nữ 59,8% trong tổng số nữ ; và nam 58,0% trong tổng số nam) và đầu tư cho con học hành (nữ 61,8% và nam 53,9%) đều thấy nổi trội sự đóng góp của nữ. Nam giới chú trọng trong việc mang tính chất lâu dài: để tiết kiệm, làm vốn (nam 34,2% và nữ 22,5%), đầu tư sản xuất (nam 21,0%; nữ 17,9%), mua xe, đồ đạc (nam: 13,6%; nữ 10,0%). Như vậy, việc sử dụng đồng tiền của người di cư nữ về thường vào những công việc hàng ngày, trước mắt; còn việc sử dụng đồng tiền do người di cư nam gửi về thường cho các công việc mang tính chất đầu tư hoặc lâu dài.

Kết luận

Từ những kết quả phân tích số liệu định lượng và định tính của đề tài, có thể nêu một số kết luận về vấn đề thu nhập, tiền gửi của người di cư lên Hà Nội như sau:

- Yếu tố sức khỏe đóng vai trò quan trọng trong thị trường lao động phổ thông: nam thường làm nghề có sử dụng nhiều cơ bắp và được trả công cao hơn, nữ làm các công việc nhẹ nhàng và được trả công thấp hơn, tuy nhiên, cũng có yếu tố khác biệt về giới tác động đến việc trả công của nam và nữ.

- Thu nhập cao và môi trường làm việc là yếu tố quan trọng tác động đến lượng tiền gửi về quê. Nghề giúp việc gia đình có nhiều điều kiện thuận lợi nên họ gửi được tiền về tương đối nhiều.

- Di cư cùng vợ/chồng và con có thu nhập cao nhất, nhưng họ chịu chi phí cao cho cuộc sống ở Hà Nội, và nhu cầu chi tiêu ở quê ít nên lượng tiền gửi không nhiều so với thu nhập. Người gửi tiền về nhà nhiều nhất là người di cư mà vợ và chồng di cư khác nơi, họ thu nhập ít nhất nhưng gửi tiền về nhà với tỷ lệ cao nhất.

- Sự ổn định về tình trạng hôn nhân, cuộc sống tạo ra sự khác biệt trong thu nhập: người nào có gia đình, cuộc sống ổn định thì thu nhập cao và người nào có gia đình bất ổn, khủng hoảng thì có thu nhập thấp hơn. Tuy nhiên, những người góa vợ, góa chồng gửi tiền về nhiều nhất. Nếu so sánh giữa nam và nữ cùng tình trạng hôn nhân thì hầu hết thu nhập của nam giới cao hơn, họ cũng là người gửi tiền về nhiều hơn.

- Những người di cư có trình độ học vấn cao thường được thu nhập cao hơn, biểu hiện rõ nhất là ở trình độ học vấn đại học trở lên.

- Việc sử dụng đồng tiền gửi của người ở quê cũng khác nhau: Người di cư gửi tiền nhiều nhất khi con nhỏ nhất có tuổi từ 16 đến 25. Nữ di cư thường gửi tiền về cho những sinh hoạt hàng ngày của gia đình; còn nam di cư thường gửi tiền về cho những chi tiêu mang tính chất lâu dài.■

Tài liệu tham khảo

Đỗ Văn Hoà chủ biên. 1998. *Chính sách di dân ở Châu Á*. Hà Nội: NXB Nông nghiệp,

Hà Thị Phương Tiến, Hà Quang Ngọc. 2000. *Lao động nữ di cư tự do nông thôn-thành thị*. Hà Nội: NXB Phụ nữ.

Nguyễn Thanh Liêm. 2008. “*Di cư, thu nhập hộ gia đình và tiền gửi: Nghiên cứu tại Yên Bái, Thừa Thiên Huế và Tiền Giang*”. Trong: Trịnh Duy Luân, Helle Rydstrom, Wil Burghoorn (đồng chủ biên): “*Gia đình nông thôn Việt Nam trong chuyển đổi*”. Hà Nội: NXB Khoa học xã hội.